

Bản án số: 04/2021/DS-PT

Ngày: 28-01-2021

*V/v tranh chấp đất đai theo quy  
định của pháp luật về đất đai.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tử Lượng

*Các Thẩm phán:* Ông Tạ Văn Vinh và bà Trần Thị Sâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Len – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình:** Bà Phạm Thị Thanh Mơ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2020/TLPT-DS ngày 07/12/2020, về việc Tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2020/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2021/QĐ-PT ngày 07 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Đỗ Văn Th sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm HĐ, thôn DM, xã Kh, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Th:** Ông Đặng Tiến B - Luật sư Văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Ninh Bình; địa chỉ: Số nhà H, đường T, phố Ph, phường Nam Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

**2. Bị đơn:** - Ông Phạm Văn X sinh năm 1974;

- Bà Nguyễn Thị L sinh năm 1975;

Cùng trú tại địa chỉ: Xóm HĐ, thôn DM, xã Kh, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Đỗ Thị N sinh năm 1943; địa chỉ: Số B, Ph, phường La Khê, quận HĐ, Thành phố Hà Nội.

- Bà Đỗ Thị T sinh năm 1954; địa chỉ: Đường L, khu phố 5, phường An Lạc, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Đỗ Văn H sinh năm 1956; địa chỉ: Xóm HĐ, thôn DM, xã Kh, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Đỗ Thị Ng sinh năm 1964; địa chỉ: 26/19/9/2 Đường L, phường An Lạc, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Đỗ Thị Y sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm HĐ, thôn DM, xã Kh, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

**Người đại diện hợp pháp của bà N, bà T, ông H, bà Ng, bà Y:** Ông Đỗ Văn Th sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm HĐ, thôn DM, xã Kh, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 25/12/2019).

- Bà Tống Thị L1 sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm HĐ, thôn DM, xã Kh, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

**Người đại diện hợp pháp của bà L1:** Ông Đỗ Văn Th sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm HĐ, thôn DM, xã Kh, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17/9/2019).

**4. Người kháng cáo:** Ông Đỗ Văn Th là nguyên đơn.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại Đơn khởi kiện ngày 31/01/2020, bản tự khai ngày 06/02/2020, biên bản lấy lời khai ngày 27/5/2020, Biên bản hòa giải ngày 10/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Đỗ Văn Th là nguyên đơn, đồng thời là người đại diện hợp pháp của bà N, bà T, ông H, bà Ng, bà Y trình bày:**

Bố ông Th là ông Đỗ Thế L2 chết năm 1993, mẹ là bà Lưu Thị T1 chết năm 2008. Ông L2 và bà T1 sinh được 6 người con là các ông bà: Đỗ Thị N, Đỗ Thị T, Đỗ Văn H, Đỗ Văn Th, Đỗ Thị Ng, Đỗ Thị Y.

Khi chết ông L2 và bà T1 để lại tài sản là 240m<sup>2</sup> đất ở, tại thửa 311 tờ bản đồ 4a lập năm 1997, địa chỉ: Xóm HĐ, thôn DM, xã Kh; đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Yên Khánh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/5/1997 mang tên Đỗ Thị L2 (do nhầm lẫn khi làm hồ sơ nên đã cấp nhầm tên từ Đỗ Thế L2 thành Đỗ Thị L2). Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thể hiện kích thước của thửa đất; thực tế anh em ông Th cũng không biết được kích thước của thửa đất số 311. Thửa đất của gia đình ông Th, phía Tây giáp đất nhà ông X (trước đó là của ông T3, bố ông X), phía Đông giáp đường xóm, phía Bắc giáp đất nhà ông H, phía Nam giáp đất nhà ông Th2. Ông L2, bà T1 chết không để lại di chúc, sau khi ông bà chết thì vợ chồng ông Th là người trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất. Trước đây ranh giới thửa đất số 311 của gia đình ông Th và thửa đất số 310 của gia đình ông X là đường thẳng, được xác định theo nhà bếp, tường bao hai gia đình đã xây dựng và không có tranh chấp gì. Ngày 02/5/2012 gia đình ông Th cùng cán bộ đo đạc bản đồ của Sở Tài nguyên và Môi trường Ninh Bình đã tiến hành xác định ranh giới, mốc giới thửa đất tại thực địa không có tranh chấp gì. Năm 2013 ông Th đã ký xác nhận đất ở ổn định không có tranh chấp. Thực tế đo đạc năm 2013 đất của gia đình ông Th

là thửa số 59 tờ bản đồ số 17 diện tích 247,8 m<sup>2</sup> (đứng tên ông Th), đất của gia đình ông X là thửa 58 (đứng tên bà Th3 là mẹ ông X). Ông Th khẳng định bản đồ địa chính năm 1997, bản mô tả ranh giới mốc giới và bản đồ đặc địa chính năm 2013 là đúng. Tháng 11 năm 2013, gia đình ông Th phá một phần nhà cũ xây nhà tắm giáp đầu phía Bắc của diện tích đất tranh chấp và phá bỏ tường bao cũ xây tường bao mới trên nền móng cũ (giáp đất nhà ông X) để bảo vệ đất theo mốc giới có sẵn từ hơn 40 năm giữa hai gia đình thì xảy ra tranh chấp. Trong quá trình ông Th xây tường bao, gia đình ông X đã phản ứng, liên tục chửi bới và phá nham nhở bức tường ông Th mới xây. Bức tường ông Th xây trên đất tranh chấp không thẳng với đốc nhà của ông X là do trước đây bố ông X xây nhà sang đất của bố mẹ ông Th (không rõ đã sang bao nhiêu), khi đó bố mẹ ông Th cho đất, cho mượn đất hay đã bán đất cho gia đình ông X thì ông Th không biết.

Ông Th, bà N, bà T, ông H, bà Ng, bà Y khởi kiện, yêu cầu vợ chồng ông X, bà L phải trả 0,36m<sup>2</sup> đất tại vị trí ông Th đã xây bức tường có kích thước các chiều: Phía Tây (Tây Bắc) giáp bếp nhà ông X rộng 0,26m, phía Đông (Đông Nam) giáp đốc nhà tắm của gia đình ông Th rộng 0,10 mét, phía Nam (Tây Nam) giáp đất gia đình ông X dài 2,0m, phía Bắc (Đông Bắc) giáp đất gia đình ông Th dài 2,0m.

***Tại Đơn đề nghị ngày 10/02/2020, ngày 11/02/2020, ngày 07/9/2020 biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2020, Biên bản hòa giải ngày 10/9/2020 và trong quá trình giải quyết bị đơn là ông X, bà L trình bày:***

Thửa đất số 310 tờ bản đồ 4a, diện tích 340m<sup>2</sup>, tại xóm HĐ, thôn DM, xã Kh của gia đình ông X giáp với thửa đất (311) vợ chồng ông Th đang sử dụng. Nguồn gốc đất vợ chồng ông X đang sử dụng là của ông T3 bà Th3 (bố mẹ ông X). Năm 2013 bà Th3 đã sang tên quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông X, khi đó gia đình ông X và gia đình ông Th đã ký ranh giới đất với xã để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông X. Ngày 29/10/2013 UBND huyện Yên Khánh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Văn X và Nguyễn Thị L. Các tài sản gắn liền với đất như nhà và công trình của bố mẹ ông X xây dựng vẫn còn nguyên vẹn. Ranh giới đất giữa gia đình ông X và gia đình ông Th là một đường thẳng. Hai gia đình sử dụng đất không có tranh chấp gì và sống đoàn kết với nhau. Ngăn cách giữa hai gia đình là một bức tường của gia đình ông Th xây tại vị trí giáp đốc nhà của bố ông X (nhà xây năm 1970). Năm 2013 ông Th phá bức tường cũ xây bức tường rào mới, ông X có nói với ông Th là “xây làm sao cho đúng đất nhà ông đừng xây lấn sang đất nhà tôi”. Sau đó ông X đi làm, ông Th ở nhà đã xây bức tường rào sang đất nhà ông X chiều rộng phía ngoài khoảng 0,18m, chiều rộng phía trong khoảng 0,28m và chiều dài 2,0 mét. Ông X đi làm về phát hiện ông Th đã xây tường rào sang đất nhà mình, nên đã dùng sào ủi bức tường xuống, đến nay hiện trạng vẫn còn. Ông X bà L xác định diện tích đất 0,36m<sup>2</sup> tại vị trí ông Th đã xây bức tường rào là đất của gia đình ông X nên không đồng ý trả cho ông Th.

Tại Biên bản hòa giải ngày 10/9/2020 (sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ) và tại phiên tòa ông X, bà L trình bày: 0,36m<sup>2</sup> đang có tranh chấp là của gia đình ông X, yêu cầu vợ chồng ông Th bà L1 phải tháo dỡ bức tường để trả lại đất cho gia đình ông X.

***Tại Biên bản hòa giải ngày 10/9/2020, Bản tự khai ngày 17/9/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà L1 trình bày:*** Đất nhà bà L1 đang sử dụng là đất của bố mẹ chồng là ông L2 bà T1, vợ chồng bà L1 đã ở từ năm 1988 cho đến nay. Trên diện tích đất tranh chấp có bức tường rào của bố mẹ chồng bà L1 xây, năm 2013 vợ chồng bà phá tường cũ, xây tường mới đúng vị trí móng cũ nên không đồng ý dỡ bức tường theo yêu cầu của ông X bà L.

***Tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp và do Tòa án cấp sơ thẩm thu thập:***

- Trích lục bản đồ địa chính tờ 4a lập năm 1997: Thửa 310 diện tích 340m<sup>2</sup> đứng tên ông T3; Thửa 311 diện tích 240m<sup>2</sup> đứng tên ông L2; ranh giới của hai thửa đất là một đường thẳng.

- Biên bản mô tả ranh giới mốc giới thửa đất số 58, 59 tờ bản đồ số 17 của bà Phạm Thị Th3 và ông Đỗ Văn Th lập ngày 02/5/2012 có chữ ký của các hộ liên kề trong đó có chữ ký của bà Th3, ông Th, thể hiện ranh giới, mốc giới thửa đất của bà Th3 và ông Th là một đường thẳng.

- Kết quả đo đạc địa chính thửa đất số 58, 59 tờ bản đồ số 17 của bà Phạm Thị Th3 và ông Đỗ Văn Th lập ngày 22/3/2013 có chữ ký của bà Th3, ông Th thể hiện ranh giới, mốc giới thửa đất của bà Th3 và ông Th là một đoạn thẳng dài 21,20m.

- Trích lục bản đồ địa chính tờ 17 lập năm 2013: Thửa 58 diện tích 344,3m<sup>2</sup> đứng tên bà Th3; Thửa 59 diện tích 247,8m<sup>2</sup> đứng tên ông Th; ranh giới của hai thửa đất là một đường thẳng.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/5/1997 do UBND huyện Yên Khánh cấp, thửa đất số 311 tờ bản đồ số 4a, diện tích 240m<sup>2</sup> đứng tên Đỗ Thị L2.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/5/1997 do UBND huyện Yên Khánh cấp, thửa đất số 310 tờ bản đồ số 4a, diện tích 340m<sup>2</sup> đứng tên Phạm Văn T3.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 382789 ngày 29/10/2013 do UBND huyện Yên Khánh cấp, thửa đất số 310 tờ bản đồ số 4a, diện tích 340m<sup>2</sup> đứng tên Phạm Văn X, Nguyễn Thị L.

- Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ kèm theo thể hiện phần đất tranh chấp nằm ở đoạn giữa ngôi nhà của bố mẹ ông X xây từ những năm 1970 và nhà tắm của gia đình ông Th, kích thước chiều giáp nhà tắm của gia đình ông Th rộng 0,12m, chiều áp vào tường nhà cũ của gia đình ông X rộng 0,27m, chiều dài là 2m. Trên phần đất tranh chấp có 01 bức tường do gia đình ông Th xây năm 2013 (xây bằng gạch đỏ bị phá nham nhở, tường 10, chiều cao trung bình 2m).

***Tại Bản án số 03/2020/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh quyết định:***

1. Căn cứ khoản 1 Điều 175, khoản 1 Điều 176 của Bộ luật dân sự; khoản 5 Điều 166, Điều 203 của Luật đất đai; khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

**2. Xử:**

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Th, về việc buộc vợ chồng ông Phạm Văn X bà Nguyễn Thị L phải trả lại tài sản của ông L2 bà T1 cho ông Đỗ Văn Th là 0,36 m<sup>2</sup> đất, thửa số 310, tờ bản đồ số 4A (nay là thửa 58 tờ bản đồ 17) xã Kh, địa chỉ phần đất tại xóm HĐ, thôn DM, xã Kh, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình có kích thước các chiều như sau:

- Phía Đông Nam giáp nhà tắm ông Th rộng 0,10 mét.
- Phía Tây Nam giáp đất ông Th dài 02 mét.
- Phía Tây Bắc giáp nhà ông X rộng 0,26 mét.
- Phía Đông Bắc giáp đất còn lại của gia đình ông X dài 02 mét.

2.2. Buộc vợ chồng ông Đỗ Văn Th và bà Tống Thị L1 phải tháo dỡ toàn bộ bức tường rào có chiều dài là 02 mét, xây trên đất tranh chấp của gia đình ông X bà L để trả lại đất cho gia đình ông X bà L.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Buộc ông Đỗ Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Th đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002141 ngày 03/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, ông Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc ông Đỗ Văn Th phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng về việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 900.000 đồng, được trừ vào số tiền ông Th nộp là 900.000 đồng, ông Th đã nộp đủ chi phí tố tụng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20 tháng 10 năm 2020 ông Đỗ Văn Th kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, với lý do: Cả hai bên tài liệu chứng cứ đều chưa đầy đủ, khi xét hỏi, tranh luận còn nhiều mâu thuẫn; Tòa sơ thẩm chỉ mới điều tra xác minh tại UBND xã, chưa có tài liệu chứng cứ nào của UBND huyện Yên Khánh về việc cấp GCNQSDĐ cho ông X; xét xử áp đặt không tuân thủ ý kiến của bên nguyên đơn và ý kiến của Viện kiểm sát.

Ngày 23/10/2020 Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh đã làm việc với ông Th, yêu cầu viết lại đơn kháng cáo theo quy định, ông Th không viết lại đơn mà có ý kiến trong biên bản, “*đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án để xét xử lại để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho tôi*”.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:* Nguyên đơn là ông Đỗ Văn Th giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, nội dung đơn kháng cáo; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án. Bị đơn là ông Phạm Văn X, bà Nguyễn Thị L đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Văn Th, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh. Ông Th phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông Đỗ Văn Th đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của người kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, đơn kháng cáo của ông Th được xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh thụ lý, giải quyết Đơn khởi kiện ngày 31/01/2020 của ông Đỗ Văn Th, bà Đỗ Thị N, bà Đỗ Thị T, ông Đỗ Văn H, bà Đỗ Thị Ng, bà Đỗ Thị Y là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về tư cách người tham gia tố tụng:

\* Trong đơn khởi kiện ngày 31/01/2020, tại mục “*Người khởi kiện*” gồm có: Ông Đỗ Văn Th, bà Đỗ Thị N, bà Đỗ Thị T, ông Đỗ Văn H, bà Đỗ Thị Ng, bà Đỗ Thị Y. Tại Th báo thụ lý vụ án số 04/TB-TLVA ngày 05/02/2020 và tại Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 10/9/2020, Biên bản hòa giải ngày 10/9/2020 Tòa án cấp sơ thẩm đều xác định vụ án có 6 đồng nguyên đơn như trong đơn khởi kiện. Trong quá trình giải quyết vụ án bà N, bà T, ông H, bà Ng, bà Y không có ý kiến chấm dứt yêu cầu khởi kiện của mình nhưng trong quyết định đưa vụ án ra xét xử và trong bản án sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh lại xác định chỉ có một mình ông Th là nguyên đơn; còn bà Ninh, bà T, ông H, bà Ng, bà Y là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn. Việc Tòa án cấp sơ thẩm triệt tiêu tư cách nguyên đơn và yêu cầu khởi kiện của bà N, bà T, ông H, bà Ng, bà Y là không có căn cứ, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự, xâm phạm đến quyền khởi kiện của họ theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng

dân sự. Ngoài ra, vì xác định không đúng tư cách tham gia tố tụng nên bản án sơ thẩm chưa xem xét, bỏ lọt nghĩa vụ chịu án phí của các đương sự này.

Trong vụ án có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tống Thị L1 do Tòa án sơ thẩm đưa vào tham gia tố tụng trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 10/9/2020; tuy nhiên không có bất kỳ Th báo nào tới bà L1 cũng như các đương sự khác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật.

\* Về phạm vi khởi kiện: Tại đơn khởi kiện các nguyên đơn *yêu cầu vợ chồng ông X bà L phải trả 0,36m<sup>2</sup> đất tại vị trí ông Th đã xây bức tường có kích thước các chiều: Phía Tây (Tây Bắc) giáp bếp nhà ông X rộng 0,26m, phía Đông (Đông Nam) giáp đốc nhà tắm của gia đình ông Th rộng 0,10 mét, phía Nam (Tây Nam) giáp đất gia đình ông X dài 2,0m, phía Bắc (Đông Bắc) giáp đất gia đình ông Th dài 2,0m.* Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không bổ sung yêu cầu khởi kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập; bị đơn không có yêu cầu phản tố, không thực hiện quyền phản tố theo quy định, nhưng tại mục 2.2. trong phần quyết định của bản án sơ thẩm vẫn *“Buộc vợ chồng ông Đỗ Văn Th và bà Tống Thị L1 phải tháo dỡ toàn bộ bức tường rào có chiều dài là 02 mét, xây trên đất tranh chấp của gia đình ông X bà L để trả lại đất cho gia đình ông X bà L”.* Phần quyết định nêu trên của bản án sơ thẩm buộc vợ chồng ông Th bà L1 phải tháo dỡ toàn bộ bức tường rào có chiều dài là 02 mét khi không có yêu cầu phản tố là giải quyết vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, xâm phạm đến quyền định đoạt và tự định đoạt của đương sự được quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ các căn cứ, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, hủy Bản án sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 14/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí: Ông Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Th toàn bộ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2020/DS-ST ngày 14/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Ông Đỗ Văn Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Th 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, L phí Tòa án số AA/2013/0002279 ngày 03/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (28/01/2021).

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- TAND H. Yên Khánh;
- Chi cục THADS H. Yên Khánh;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tử Lượng**





